

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN ANH HÙNG

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ
NÔNG NGHIỆP TỈNH GIA LAI

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lê Thế Giới

Phản biện 1: TS. Nguyễn Thanh Liêm

Phản biện 2: TS. Hà Ban

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 02 tháng 3 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tỉnh Gia Lai với trên 70% dân cư sống ở nông thôn và hầu hết hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tuy đời sống bà con đã phần nào được cải thiện, song vẫn còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp bước đầu chuyển đổi theo hướng thị trường, song vẫn chưa đáp ứng các mục tiêu: khai thác có hiệu quả tiềm năng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật – công nghệ vào sản xuất, giải phóng sức lao động nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động, nâng cao sản lượng hàng hóa quy mô lớn. Xuất phát từ yêu cầu trên, đề tài: “*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Gia Lai*” được lựa chọn nghiên cứu là thực tế khách quan và là yêu cầu đặt ra mang tính cấp thiết.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xác định rõ sự bất hợp lý và những nguyên nhân, từ đó đưa ra những giải pháp chủ yếu nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh Gia Lai phù hợp với nền kinh tế thị trường trong thời kỳ CNH - HĐH và xu thế hội nhập Quốc tế hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Là những vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc về cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn nhất là cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2011- 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

* Về không gian: Nghiên cứu, đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

* Về thời gian: Các số liệu, tài liệu phục vụ đánh giá thực trạng địa bàn nghiên cứu được thu thập chủ yếu trong khoảng thời

gian từ năm 2007 đến năm 2011. Phần định hướng tham khảo các tài liệu về mục tiêu, phương hướng phát triển đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện bằng cách tiếp cận các khung lý thuyết và mô hình về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Gia Lai.

Bên cạnh vận dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong nghiên cứu, luận văn cũng kết hợp sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh và phân tích.

4.2. Hệ thống các chỉ tiêu phân tích

- Nhóm chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh.
- Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế.
- Một số chỉ tiêu khác.

5. Bố cục đề tài: Ngoài phần mở đầu, phân kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Chương 2: Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh Gia Lai.

Chương 3: Những giải pháp chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa của tỉnh Gia Lai.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trên cơ sở tiếp cận các nội dung nghiên cứu trước đây có liên quan đến cơ cấu kinh tế nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp để có thể khái quát những nội dung về cơ sở lý luận đối với cơ cấu kinh tế nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm cơ cấu kinh tế và cơ cấu kinh tế nông nghiệp

a. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế là một tổng thể các bộ phận hợp thành nền kinh tế của mỗi nước. Các bộ phận đó gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau và biểu hiện ở các quan hệ tỷ lệ về số lượng, tương quan về chất lượng trong những không gian và thời gian nhất định, phù hợp với những điều kiện kinh tế- xã hội nhất định, nhằm đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

b. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp là tổng thể các mối quan hệ theo tỷ lệ về số lượng và chất lượng tương đối ổn định của các yếu tố kinh tế xã hội liên quan đến sản xuất nông nghiệp trong một khoảng thời gian và không gian nhất định.

1.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là quá trình làm biến đổi cấu trúc và các mối quan hệ tương tác trong hệ thống theo những định hướng và mục tiêu nhất định, nghĩa là đưa hệ thống đó từ một trạng thái nhất định tới trạng thái phát triển tối ưu để đạt được hiệu quả mong muốn, thông qua sự điều khiển có ý thức của con người, trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan.

1.2. SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA

1.2.1. Khái quát chung về sản xuất hàng hóa

Sản xuất hàng hoá khác với kinh tế tự cấp tự túc, do sự phát triển của phân công lao động xã hội làm cho sản xuất được chuyên môn hoá ngày càng cao, thị trường ngày càng mở rộng, mối liên hệ giữa các ngành, các vùng ngày càng chặt chẽ. Sự phát triển của sản xuất hàng hoá đã xoá bỏ tính bảo thủ, trì trệ của nền kinh tế, đẩy nhanh quá trình xã hội hoá sản xuất. Sản xuất hàng hóa chỉ ra đời khi có đủ cả hai điều kiện là có sự phân công lao động xã hội và sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế của những người sản xuất.

1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa

Kinh tế nông nghiệp là một chu trình khép kín mà các khâu của quá trình tái sản xuất liên quan chặt chẽ với nhau từ sản xuất đến chế biến và dịch vụ. Vì vậy, cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn cần được hiểu trong mối quan hệ giữa sản xuất, chế biến và dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Do đó, cơ cấu kinh tế nông nghiệp phản ánh các mối quan hệ được xác lập theo một tỷ lệ cân đối cả về số lượng và chất lượng giữa các khâu của quá trình tái sản xuất nông nghiệp. Trong đó, khâu sản xuất nông nghiệp là khâu quyết định, nhưng khâu chế biến cũng rất quan trọng, vì nó làm tăng giá trị của sản phẩm nông nghiệp, với tư cách là cầu nối giữa sản xuất và chế biến, dịch vụ vừa cung cấp lại vừa là nơi tiêu thụ sản phẩm cho người sản xuất và người chế biến. Duy trì các mối quan hệ tỷ lệ giữa sản xuất - chế biến - dịch vụ không những đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp diễn ra bình thường mà còn làm tăng giá trị tổng sản lượng nông nghiệp,

tăng giá trị sản xuất hàng hóa và nhất là tăng giá trị nông sản xuất khẩu.

1.2.3. Nội dung chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá

Thực hiện quá trình CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn ở bất kỳ quốc gia nào cũng bắt đầu từ một cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý. Cơ cấu đó phải đảm bảo khai thác tối ưu lợi thế và khả năng của mỗi nước, mỗi vùng miền phù hợp với quá trình và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là sự biến đổi có mục đích dựa trên cơ sở phân tích các căn cứ lý luận và thực tiễn cùng với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp cần thiết để chuyển đổi từ một cơ cấu bất hợp lý sang một cơ cấu hợp lý hơn nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cần thực hiện đồng bộ các nội dung trong quá trình chuyển dịch để phát triển một nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và bền vững, bao gồm: chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành; chuyển dịch cơ cấu vùng; cơ cấu thành phần kinh tế tham gia trong nông nghiệp và cơ cấu kỹ thuật.

1.2.4. Tác động của hội nhập kinh tế Quốc tế đến sản xuất hàng hoá và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá

Gia nhập WTO, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với hàng loạt thách thức, trong đó có thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp nông nghiệp. Nếu không có những biện pháp hỗ trợ tích cực, đa số các mặt hàng nông sản Việt Nam khó có thể cạnh tranh được với thị trường trong nước và quốc tế, điều đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập quốc dân và nhất là đến đời sống dân cư Việt Nam.

1.3. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1.3.1. Vốn

Hiện nay, do thu nhập của người dân ngày càng tăng, sản phẩm tiêu dùng của họ cũng đòi hỏi khắt khe hơn về chất lượng. Việc đầu tư cho nông nghiệp sẽ làm tăng năng suất lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm.

1.3.2. Tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ

Trong nền kinh tế nước ta hiện nay đặc biệt các vùng kinh tế nông nghiệp, vấn đề quan trọng phải nhanh chóng và không ngừng thay đổi kỹ thuật và công nghệ lạc hậu; phá thế độc canh cây lúa, một số vùng đưa công nghệ sinh học để nâng cao năng suất lao động vì nền kinh tế nước ta đòi hỏi phải có những loại hàng hóa nông thủy sản có chất lượng cao, đa dạng phong phú. Nhu cầu đó không chỉ đáp ứng yêu cầu trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài.

1.3.3. Thị trường và trình độ phát triển của kinh tế thị trường

Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường là khâu trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng, do đó luôn là yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế và đặc biệt nó làm ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành và biến đổi giữa các ngành kinh tế, nói đến thị trường là nói đến nhu cầu của con người cần được thỏa mãn thông qua thị trường. Hơn nữa ở nước ta lượng dân cư tương đối lớn tập trung ở vùng nông thôn nên nó đã tạo ra một thị trường sôi động với các hàng hóa nông sản có giá trị kinh tế cao, rất gần gũi và quen thuộc đối với đời sống hàng ngày của con người, nếu mức thu nhập của nhân dân cao tạo sức mua lớn thị trường nông thôn; đồng thời cũng phụ

thuộc vào việc nền kinh tế xây dựng cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế như thế nào? Và điều hết sức quan trọng là phải giải quyết được vấn đề cơ bản của thị trường: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai?

1.3.4. Lợi thế so sánh về vị trí địa lý, tài nguyên khí hậu

Nước ta có lợi thế mở rộng kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển thương mại hàng không, hàng hải và dịch vụ. Tuy vậy, việc khai thác các yếu tố này phục vụ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Thông thường ở mỗi giai đoạn phát triển, người ta tập trung khai thác các tài nguyên có lợi thế, trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao, nhu cầu thị trường lớn và ổn định, như vậy sự đa dạng và phong phú tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện có ảnh hưởng đến quá trình hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, là nhân tố phải tính đến trong quá trình hoạch định cơ cấu.

1.3.5. Yếu tố kinh tế - xã hội

Cơ cấu kinh tế mang tính khách quan nhưng sự hình thành và chuyển đổi nhanh hay chậm, hợp lý hay không hợp lý lại do sự tác động chủ quan của con người. Hay nói cách khác nhân tố con người có ý nghĩa quyết định đến sự hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Việc nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nguồn nhân lực là yêu cầu cấp bách bởi lẽ nếu không có đội ngũ các nhà khoa học có trình độ cao làm đầu tàu trong nghiên cứu, ứng dụng, triển khai công nghệ hiện đại phục vụ sản xuất nông nghiệp hoặc lực lượng lao động trong nông nghiệp không được đào tạo, chuyển giao công nghệ thì không thể nói đến tăng trưởng kinh tế cao và bền vững.

1.4. KINH NGHIỆM CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

1.4.1. Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa của một số nước

a. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Ngay từ những năm 50, trong chính sách khôi phục kinh tế, chính phủ Nhật Bản đã coi trọng sản xuất nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, sớm tìm được hướng đi và bước đi thích hợp cho nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng, nhất là chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Đến nay, Nhật Bản đã có một nền nông nghiệp đa dạng, hiện đại, có một cơ cấu hợp lý. Từ đó chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm từ Nhật Bản.

b. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Hiện nay Trung Quốc là một nước có nhiều điểm tương đồng với nước ta. Trên bước đường chuyển dịch từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Do vậy việc nghiên cứu những thành công của Trung Quốc trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế về nông thôn ở nước ta là việc làm cần thiết, để đạt được kết quả như hiện nay, Trung Quốc đã trải qua nhiều khó khăn phức tạp. Từ đó chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm từ Trung Quốc.

c. Kinh nghiệm của Thái Lan

Thái Lan là một nước nằm trong khu vực với nước ta, có diện tích canh tác 19,62 triệu ha. Đến nay đã trở thành một nước phát triển trong khu vực mặc dù hàng chục năm trước Thái Lan cũng chỉ là một nước nông nghiệp lạc hậu. Từ đó chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm từ Thái Lan.

1.4.2. Bài học kinh nghiệm

- a. Bài học về xác lập chế độ sở hữu và quản lý*
- b. Về xây dựng các chính sách khuyến khích sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*
- c. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH GIA LAI

2.1. NHỮNG TIỀM NĂNG CHỦ YẾU ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH GIA LAI

2.1.1. Các tiềm năng về tự nhiên

Gia Lai là một tỉnh miền núi, thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có quỹ đất phong phú và màu mỡ nhất là đất đỏ bazan. Đây là điều kiện thuận lợi trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Gia Lai

2.1.2. Nguồn lực kinh tế – xã hội

- Dân số: Năm 2011 dân số của tỉnh Gia Lai là 1.322.027 người, trong đó, dân số nông thôn là 933.644 người, chiếm trên 70% dân số toàn tỉnh.

- Lao động: Năm 2011, tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế là 771.928 người, chiếm 58% dân số toàn tỉnh, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 30% tổng số lao động. Tổng số lao động trong nông nghiệp là 612.295 người chiếm khoảng 80% tổng số lao động toàn tỉnh, có vị trí quan trọng trong sản xuất.

- Về giao thông: Gia Lai có vị trí rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội với hệ thống giao thông đi đến các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, là điều kiện thuận lợi có thể phát triển mạnh giao lưu kinh tế, có tác động ảnh hưởng lớn đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh nhất là khu vực nông nghiệp nông thôn.

- Đất đai: Do tính chất đặc trưng của đất đai và khí hậu, tỉnh Gia Lai có thể bố trí một tập đoàn cây trồng, vật nuôi phong phú, đa dạng, có giá trị kinh tế cao; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung có quy mô lớn với những sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh.

2.2. THỰC TRẠNG CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ TÌNH HÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA TỈNH GIA LAI THỜI GIAN QUA

2.2.1. Thực trạng cơ cấu kinh tế của tỉnh Gia Lai

a. Cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Gia Lai chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm nhanh tỷ trọng nông - lâm - thủy sản đồng thời tăng dần ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản giảm từ 46,6% năm 2007 xuống 43,97% năm 2011; Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng và đạt 31,25% tổng giá trị sản phẩm của nền kinh tế năm 2011. Tuy nhiên, ngành dịch vụ tỷ trọng có xu hướng giảm và chiếm tỷ lệ 24,78% tổng giá trị sản phẩm của nền kinh tế năm 2011.

Xét theo hai khối ngành nông nghiệp và phi nông nghiệp, tỷ trọng ngành phi nông nghiệp ngày càng lớn dần trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, tăng từ 53,4% năm 2007 lên 56,03% năm 2011, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 46,6% năm 2007 xuống còn 43,97% năm

2011. Tuy nhiên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hai khối ngành sản xuất vật chất và sản xuất sản phẩm dịch vụ lại không theo chiều hướng tiến bộ như vậy. Tỷ trọng nhóm các ngành sản xuất vật chất đang ở mức cao, chiếm khoản 74,45% so với 25,55% của nhóm các ngành sản xuất phi vật chất vào năm 2007. Đến năm 2011, tỷ trọng nhóm ngành sản xuất vật chất là 75,22% và sản xuất phi vật chất là 24,78%.

b. Cơ cấu thành phần kinh tế

Cơ cấu theo thành phần kinh tế của tỉnh Gia Lai đang chuyển dịch theo đúng quy luật của nền kinh tế thị trường với sự tăng trưởng nhanh và gia tăng dần tỷ trọng của khu vực kinh tế ngoài nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực thương mại, du lịch, khách sạn - nhà hàng, giao thông vận tải. Tuy nhiên, nhìn chung kinh tế ngoài quốc doanh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, quy mô hoạt động của các loại hình kinh tế tư nhân còn nhỏ bé, manh mún, vốn và lao động ít, doanh thu thấp so với mức bình quân chung của cả nước, hiệu quả kinh doanh chưa cao. Khu vực kinh tế nhà nước giảm về số lượng nhưng phần đóng góp vào GDP của tỉnh vẫn chiếm phần lớn và tiếp tục giữ vai trò chủ đạo thúc đẩy kinh tế toàn tỉnh phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả kinh tế của khu vực kinh tế Nhà nước chưa cao, đa số các doanh nghiệp có quy mô nhỏ. Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng có đóng góp cho GDP của tỉnh và xuất khẩu nhưng tỷ trọng còn rất nhỏ và mới chủ yếu trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp.

2.2.2. Thực trạng cơ cấu và tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tỉnh Gia Lai

a. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong mối quan hệ giữa nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

- Nông nghiệp thuần vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong toàn ngành nông nghiệp và có xu hướng giảm trong những năm qua. Năm 2007 tỷ trọng ngành sản xuất nông nghiệp thuần là 96,28% thì đến năm 2011 tỷ trọng là 94,14%.

- Lâm nghiệp chiếm một tỷ trọng nhỏ trong toàn ngành, về cơ cấu có xu hướng tăng qua các năm và giá trị sản xuất của ngành vẫn tăng đều qua các năm. Năm 2007 tỷ trọng ngành lâm nghiệp chiếm 3,53% đến năm 2011 tỷ trọng chiếm 5,46%.

- Ngành thủy sản có cơ cấu chiếm rất thấp trong toàn ngành, năm 2007 tỷ trọng ngành thủy sản chiếm 0,19% và đến năm 2011 tỷ trọng chiếm 0,40%.

Nông nghiệp tỉnh Gia Lai đã có những bước phát triển khá, cơ cấu ngành nông nghiệp đã có sự chuyển dịch đúng hướng, chuyển dịch theo hướng CNH - HĐH và theo hướng sản xuất hàng hoá là chủ yếu, mang lại giá trị kinh tế cao và đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và phát triển nông nghiệp, nông thôn Gia Lai nói riêng.

b. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp thuần và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp thuần

Trong ngành nông nghiệp thuần thì ngành trồng trọt luôn chiếm tỷ trọng lớn. Sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp chưa đáp ứng được cho kinh tế nông nghiệp phát triển, giá trị sản xuất trồng trọt luôn chiếm rất cao, trong khi đó chăn nuôi của tỉnh Gia Lai được xem là có lợi thế lớn, nhất là chăn nuôi đại gia súc chiếm tỷ trọng thấp và hoạt động dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ lệ quá nhỏ bé không đáp ứng được việc phục vụ cho ngành nông nghiệp

* Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trồng trọt

Cơ cấu cây trồng và giá trị sản xuất phát triển nhanh, theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng sản xuất tập trung các cây công nghiệp. Các mô hình sản xuất mới cũng được hình thành cả về số lượng và qui mô. Các vùng sản xuất cây lương thực có qui mô ngày càng được mở rộng, hình thành ngày càng rõ nét hơn một số ngành sản xuất có lợi thế cạnh tranh và tạo thị phần của mình trên thị trường cả nước.

- Cây lương thực, thực phẩm: Các loại cây lương thực phát triển đều trong các năm, trong đó lúa tăng nhanh về sản lượng. Các loại cây trồng liên tục tăng về năng suất và sản lượng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Cây công nghiệp hàng năm: Diện tích và năng suất các loại cây công nghiệp ngắn ngày tăng liên tục trong những năm qua làm tăng giá trị sản xuất của ngành trồng trọt nói chung và các loại cây công nghiệp ngắn ngày nói riêng, trong đó đặc biệt là cây mía trên địa bàn tỉnh.

- Cây công nghiệp lâu năm: Diện tích và sản lượng các loại cây công nghiệp dài ngày tăng liên tục trong những năm qua làm tăng giá trị sản xuất của ngành trồng trọt nói chung và các loại cây công nghiệp dài ngày nói riêng, trong đó đặc biệt là cây cà phê và cây cao su trên địa bàn tỉnh.

* Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành chăn nuôi

Giữ vai trò là ngành sản xuất chính trong cơ cấu kinh tế của Gia Lai, lại có lợi thế đất tự nhiên và đồng cỏ rộng. Khai thác lợi thế này, nông dân tự bỏ vốn, các dự án Nhà nước đầu tư phát triển tổng gia súc có trọng tâm; tạo sự đa dạng về cơ cấu vật nuôi như trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm...

Việc phát triển nhanh số lượng và chất lượng đàn trong chăn nuôi đã góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi, tăng thu nhập cho nông dân, tăng thu ngân sách Nhà nước. Phát triển nhanh về số lượng và chất lượng đàn còn góp phần hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý trong chăn nuôi của tỉnh.

*** Dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp**

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Gia Lai trong những năm qua đạt tốc độ phát triển tương đối và tăng qua các năm. Như vậy cho thấy dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp đã được chú trọng phát triển nhằm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả cao hơn.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG

2.3.1. Những kết quả của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trong thời gian qua của Gia Lai

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Gia Lai đã đạt được những thành tựu khả quan, cụ thể như sau:

- Về quy mô và tốc độ của chuyển dịch: Nhìn chung cơ cấu nông nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Bước đầu khai thác hợp lý tiềm năng và lợi thế của từng ngành, từng vùng.

- Về tác động của sự chuyển dịch: Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp đã làm cho đóng góp của ngành nông nghiệp trong kinh tế của tỉnh tăng nhanh, góp phần quan trọng trong ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn.

2.3.2. Hạn chế và những vấn đề đặt ra cần giải quyết

Mặc dù đã đạt được những thành tựu, song quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Gia Lai theo hướng sản xuất hàng hóa vẫn còn những hạn chế:

- Trong những điều kiện của những năm trước đây, sự chuyển dịch và phát triển kinh tế dựa trên cơ sở tập trung khai thác các ngành mũi nhọn, các vùng có tiềm năng là đúng hướng. Song trong điều kiện mới có một số nhân tố ảnh hưởng đến quy hoạch đã có sự biến động. Vì vậy, cần phải có sự bổ sung, điều chỉnh thường xuyên và kịp thời, nhất là vấn đề về thị trường.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp Gia Lai theo hướng sản xuất hàng hóa trong những năm qua chuyển dịch còn chậm.

- Trình độ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp thấp.

- Về lao động nông nghiệp, phần lớn là có trình độ thấp và lệ thuộc nặng vào mùa vụ nên năng suất lao động trong nông nghiệp thấp.

Những hạn chế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế cây trồng vật nuôi như trên đã phần nào làm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp diễn ra chậm, không khai thác hết lợi thế và cơ hội của tỉnh, các khó khăn và thách thức còn nhiều.

CHƯƠNG 3

NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA CỦA TỈNH GIA LAI

3.1. QUAN ĐIỂM CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA TỈNH GIA LAI THỜI GIAN TỚI

3.1.1. Quan điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Là tỉnh miền núi, có quy mô diện tích lớn, có vị trí quan trọng trong phát triển nông nghiệp toàn Tây Nguyên, có nhiều lợi thế và tiềm năng to lớn về phát triển nông nghiệp toàn diện, nhưng cũng

có những hạn chế khá cơ bản về điều kiện tự nhiên, nên cần phải được ưu tiên tập trung đầu tư để có thể tiếp tục phát triển sản xuất với tốc độ tăng trưởng cao, từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

3.1.2. Mục tiêu

Trong giai đoạn từ 2011-2020 ngành nông – lâm – ngư nghiệp vẫn được xác định là ngành sản xuất quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh. Với mục tiêu đó, sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển theo hướng tập trung theo vùng chuyên canh lớn với tỷ suất hàng hóa cao, phục vụ tối đa cho nhu cầu xuất khẩu. Đặc biệt đối với sản phẩm của cây công nghiệp lâu năm, những sản phẩm mang tính chiến lược của tỉnh cũng như quốc gia.

3.2. PHƯƠNG HƯỚNG CHỦ YẾU CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA TỈNH GIA LAI

3.2.1. Ngành nông nghiệp

a. Phương hướng và mục tiêu phát triển

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, đưa nhanh các tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến.

Giảm đáng kể tỷ trọng giá trị sản phẩm trồng trọt, tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp – nông thôn.

b. Dự báo tăng trưởng và cơ cấu nội bộ ngành

Nông nghiệp là ngành với vai trò chủ đạo trong phát triển các ngành nông - lâm - ngư nghiệp.

Thời kỳ 2011-2020, cây công nghiệp dài ngày vẫn đóng vai trò quyết định chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp.

*** Dự báo cơ cấu**

Năm 2011 cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp là trồng trọt chiếm 90,15%, chăn nuôi chiếm 9,66%, dịch vụ chiếm 0,19%. Dự báo tỷ lệ trồng trọt - chăn nuôi - dịch vụ năm 2015 là 88% - 9,9% - 2,1%; năm 2020 là 80% - 15% - 5%.

c. Dự báo chỉ tiêu sản xuất chăn nuôi

Phần đầu đạt mục tiêu trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông – lâm – ngư nghiệp, cũng như trong nội bộ sản xuất ngành nông nghiệp. Với mục tiêu tới năm 2015 cơ cấu giá trị sản xuất chăn nuôi chiếm 9,9% và chiếm 15% vào năm 2020.

3.2.2. Ngành ngư nghiệp

Để có thể thực hiện được tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản của tỉnh giai đoạn 2011 – 2015 là 16,3% và giai đoạn 2016 – 2020 đạt 18,4%. Dự kiến diện tích đất nuôi trồng thủy sản bố trí tới năm 2020 đạt 15.000 ha trong đó nuôi kết hợp 7.500 ha. Hình thức sản xuất chính là nuôi trồng, kết hợp với khai thác để tạo ra sản lượng ngày càng lớn phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh.

3.2.3 Ngành lâm nghiệp

Hướng phát triển lâm nghiệp của tỉnh trong thời kỳ từ nay đến năm 2020:

- Bảo vệ nghiêm ngặt đất rừng hiện có, khoanh nuôi trồng mới từ đất chưa sử dụng, chuyển dịch đất trồng và đất nông nghiệp trong vùng có chất lượng kém sang trồng cao su.

- Đẩy mạnh công tác trồng rừng, kết hợp với khoanh nuôi và bảo vệ rừng, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 khoảng 54% trong tổng diện tích tự nhiên. Phòng cháy rừng có hiệu quả.

- Tăng cường khai thác lâm sản một cách hợp lý.

3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA TỈNH GIA LAI THỜI GIAN TỚI

3.3.1. Giải pháp về quy hoạch

- Phát triển các ngành sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp một cách toàn diện trên cơ sở tập trung khai thác các lợi thế so sánh.

- Tạo thế cân bằng và vững chắc giữa nông nghiệp – lâm nghiệp; giữa trồng trọt – chăn nuôi – dịch vụ nông nghiệp, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến.

- Phát triển các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, tiến hành song song với phát triển nông thôn theo hướng CNH – HĐH.

- Xây dựng nền sản xuất hàng hóa hiệu quả, bền vững và có tính cạnh tranh cao, trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật, công nghệ tiên tiến.

- Tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ở nông thôn.

- Nhà nước cần tạo điều kiện để không ngừng củng cố và nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh tế trong các trang trại.

3.3.2. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn

- Về thủy lợi: Củng cố nâng cấp các công trình hiện có ở các vùng sản xuất lương thực và các vùng trồng cây công nghiệp, thay thế thiết bị cũ đã lạc hậu, công suất thấp, hệ thống hóa kênh mương, áp dụng công nghệ tưới ngầm, tưới phun.

- Về giao thông nông thôn: Đầu tư, nâng cấp các tuyến liên xã chính đảm bảo giao thông thông suốt trong mùa mưa, gắn phát

triển giao thông với phát triển kinh tế nông thôn, các điểm dân cư. Bê tông hóa và nhựa hóa đường giao thông nông thôn.

- Nước sạch khu vực nông thôn: Xây dựng hệ thống nước sạch khu vực nông thôn để người dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch.

- Xây dựng các công trình phúc lợi công cộng đạt tiêu chuẩn ở nông thôn.

3.3.3 Giải pháp về vốn và sử dụng vốn

- Xây dựng chính sách ưu tiên đầu tư như bảo hộ sản phẩm, mở rộng các hình thức huy động vốn như cổ phần hoá các hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, phát hành trái phiếu.

- Khuyến khích phát triển các hình thức tín dụng tại địa bàn dân cư trong khuôn khổ của pháp luật để huy động vốn nhàn rỗi trong nhân dân.

- Xây dựng các dự án đầu tư để thu hút vốn từ bên ngoài nhằm khai thác các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

- Tìm mọi biện pháp để tăng nguồn thu, tiết kiệm nguồn chi ngân sách để dành vốn cho đầu tư phát triển.

- Ngân sách nhà nước cùng với sự đóng góp của nhân dân xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Đổi mới hoạt động của ngân hàng, đặc biệt là ngân hàng phục vụ người nghèo về công tác huy động vốn, thủ tục cho vay.

3.3.4. Giải pháp về thị trường

- Phát triển thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản làm cơ sở cho việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn có hiệu quả.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng để tiếp cận chiến lược thị trường, tránh tình trạng sản xuất ồ ạt trong khi

chưa có nền tảng về thị trường.

- Xây dựng các trung tâm thương mại ở cấp huyện, giúp các xã xây dựng mới hoặc mở rộng chợ, nhằm tạo điều kiện tốt cho tiêu thụ nông sản.

- Cùng với cung ứng vật tư hàng hóa cho nông dân, cần quan tâm hướng dẫn việc sử dụng chúng một cách hiệu quả; khoa học và an toàn.

- Trợ giúp những kiến thức và kỹ năng hoạt động thị trường.

- Làm tốt công tác nghiên cứu dự báo thông tin thị trường cho nông dân và doanh nghiệp.

3.3.5. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh công tác ứng dụng khoa học - công nghệ về giống có năng suất chất lượng phù hợp với từng mô hình sản xuất và điều kiện cụ thể của từng tiểu vùng.

- Đẩy mạnh chuyên giao và ứng dụng các loại hình công nghệ sau thu hoạch.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong canh tác và nhất là trên đất dốc nhằm sử dụng lâu bền tài nguyên đất đai của tỉnh. Nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh cho cây trồng vật nuôi.

- Xây dựng, đào tạo và sử dụng có hiệu quả mạng lưới khuyến nông khuyến lâm đến từng xã, mạng lưới kỹ thuật viên đến từng thôn bản.

- Tăng cường công tác tập huấn phổ biến những tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng các điểm nhân giống và chuyên môn hóa sản xuất giống phù hợp với quy mô phát triển sản xuất.

- Điều kiện thời vụ sát với điều kiện môi trường của từng khu vực, từng mùa vụ trong từng loại hình sử dụng đất để đảm bảo thu hoạch an toàn trước các tác động của hạn hán và lũ lụt.

- Từng bước nhân rộng các mô hình nông – lâm kết hợp,

trong đó chú trọng đúng mức đến phát triển chăn nuôi trong vườn nhà, các mô hình vườn rừng.

3.3.6. Giải pháp về cơ chế chính sách

a. Chính sách về phát triển các thành phần kinh tế

- Khuyến khích phát triển kinh tế nông hộ và trang trại.
- Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã.
- Các thành phần kinh tế tham gia vào khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp chế biến, xuất nhập khẩu nông sản.

b. Chính sách về đất đai

- Cần có chính sách sử dụng tiết kiệm hợp lý đất đai sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao và đảm bảo duy trì độ màu mỡ cũng như giá trị sử dụng của nó ngày càng được nâng cao.

- Có chính sách bằng thuế, đầu tư... để khuyến khích người dân đầu tư khai thác các vùng đất trống, đất hoang hóa.

- Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai theo luật để kiểm soát các biến động về đất đai.

- Sớm hoàn thành việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ổn định lâu dài cho hộ nông dân, tạo điều kiện cho nông dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất.

- Các tổ chức, cá nhân không phải nông dân có quyền được thuê đất để tổ chức sản xuất nông - lâm nghiệp.

3.3.7. Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho ngành nông nghiệp

Giáo dục đào tạo cán bộ phải gắn liền với sự phát triển của khoa học công nghệ, gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển con người một cách toàn diện.

Tăng cường kinh phí và nhân lực cho công tác đào tạo, nhằm nhanh chóng nâng cao dân trí, nhất là khu vực đồng bào dân tộc, tăng

tỷ lệ lao động có nghề, có kỹ thuật, nâng cao trình độ cho cán bộ ở địa phương, nhất là ở cấp huyện và xã.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong những năm qua, nông nghiệp nông thôn tỉnh Gia Lai đã có sự phát triển mạnh cả về năng suất, chất lượng, chủng loại sản phẩm và giá trị sản xuất, về cơ cấu có sự chuyển dịch cơ bản đúng hướng và phát huy được khả năng lợi thế của từng vùng địa phương trong tỉnh. Mục tiêu, quan điểm, phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp trong những năm qua đã góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn; góp phần làm thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống cho nông dân. Qua phân tích thực trạng ngành nông nghiệp và thực trạng cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Gia Lai chúng ta thấy:

Giá trị sản xuất nông nghiệp liên tục tăng trong những năm qua kéo theo sự thay đổi khá hợp lý về cơ cấu. Nếu năm 2007 tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 96,28% thì đến năm 2011 là 94,14%; lâm nghiệp năm 2007 là 3,53% thì năm 2011 là 5,46%; thủy sản năm 2007 là 0,19% đến năm 2011 tăng lên 0,40%. Như vậy, nhìn chung xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phát triển đúng hướng nhằm khai thác những tiềm năng và phát huy lợi thế của từng vùng.

Về chăn nuôi đã có sự phát triển đa dạng các loại vật nuôi và đặc biệt chú trọng các loại vật nuôi mang tính hàng hoá, có giá trị kinh tế cao. Đồng thời nuôi trồng thủy sản trong những năm qua cũng được đẩy mạnh, phát triển nhiều hình thức nuôi phù hợp với đặc điểm và điều kiện của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp Gia Lai còn rất nhiều tồn tại cần phải khắc phục cả về bố trí sản xuất và cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp. Sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp chưa đáp ứng được cho kinh tế nông nghiệp phát triển, giá trị sản xuất trồng trọt luôn chiếm rất cao, trong khi đó chăn nuôi của tỉnh Gia Lai được xem là có lợi thế lớn, nhất là chăn nuôi đại gia súc chiếm tỷ trọng thấp và hoạt động dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ lệ quá nhỏ bé không đáp ứng được việc phục vụ cho ngành nông nghiệp. Hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp tuy có tăng lên nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh, việc tổ chức chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp còn chậm phát triển, thị trường cho nông sản hàng hóa chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ, việc áp dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản phẩm chưa phát triển mạnh và chưa rộng khắp, các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông nghiệp chưa đồng bộ và chưa mạnh, nguồn nhân lực phục vụ sản xuất nông nghiệp còn thiếu, chưa có nhiều cán bộ được đào tạo phục vụ trong lĩnh vực này...

Do vậy, để khắc phục được những tồn tại trên ngành nông nghiệp Gia Lai cần có những giải pháp hữu hiệu để phát triển hơn nữa. Để đưa ra được những giải pháp phù hợp cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, địa phương và các hộ gia đình trong sản xuất nông nghiệp.

2. Kiến nghị

- Đối với Nhà nước

Đề nghị nhà nước cần có những biện pháp quản lý và rà soát lại các vùng kinh tế ở các địa phương, hoạch định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp cho từng vùng.

Đề từ đó các địa phương có điều kiện xác định chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với đặc điểm, tiềm năng và điều kiện của mình.

Đề nghị Nhà nước có định hướng và chính sách cụ thể nhằm khuyến khích các địa phương hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung gắn với công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường. Định hướng thị trường các yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và thị trường đầu ra cho hàng hoá nông sản.

- Đối với địa phương

Tạo điều kiện cho nông dân chuyển nhượng ruộng đất, tạo cơ chế chính sách thông thoáng hỗ trợ nông dân vay vốn sản xuất dễ dàng, thực hiện tốt và đồng bộ các chương trình khuyến nông, khuyến ngư, tổ chức tập huấn kỹ thuật và dự báo thị trường, giúp nông dân tìm kiếm và ổn định thị trường đầu vào và đầu ra.

Đầu tư hơn nữa cho cơ sở hạ tầng nông thôn, nhất là hệ thống tưới tiêu và nước sinh hoạt cho nông thôn.

- Đối với hộ gia đình

Thực hiện nghiêm túc các chương trình dự án và kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, vay và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.